TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HINH
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2017/HSST
Ngày: 05/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Đông.

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Hiền.

- Bà Nguyễn Thị Ái Liên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Chị Bàn Thị Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Minh - Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 05 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện SH mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 04/2017/HS-ST ngày 16 tháng 02 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2017, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 01/2017/QĐ-CA ngày 28 tháng 3 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐ-HPT ngày 05 tháng 4 năm 2017, Thông báo thời gian xét xử số 02/2017/TB-TA ngày 22 tháng 5 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2017/QĐ-HPT ngày 09/6/2017 và Thông báo thời gian xét xử số 03/2017/TB-TA ngày 16/6/2017 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Thanh S, sinh năm 1978 tại Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố N1, phường PL, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông: Đoàn X, sinh năm 1940 và bà Trần Thị X, sinh năm 1945. Tiền án: Ngày 01/7/2005 bị Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 09 năm tù về tội cướp giật tài sản. Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 23/8/1996 bị Công an thị trấn PL xử phạt hành chính 50.000^{đ} về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 27/6/2000 bị Công an thị trấn PL xử phạt cảnh cáo về hành vi cố ý gây thương tích; ngày 20/11/2002 bị TAND tỉnh Phú Yên xử phạt 09 (Chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 26/11/2003 bị Công an huyện Tuy Hòa xử phạt 200.000^{đ} về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 28/11/2003 bị Công an huyện Tuy Hòa xử phạt 200.000^{đ} về hành vi chống người thi hành công vụ; ngày 29/3/2017 bị TAND huyện M'Đrắk, tỉnh tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo đang chấp hành án tại trại giam ĐT thuộc Bộ Công an, huyện C, tỉnh tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Phạm Phú Đ (tên gọi khác: Cu Đ), sinh năm 1989 tại Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố N1, phường PL, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Văn hóa: 09/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông: Phạm Văn R, sinh năm 1964 và bà: Võ Thị L, sinh năm 1966. Vợ: Phạm Thị Trà M, sinh năm 1990. Con: Có 01 con sinh năm 2011. Tiền án: Ngày 19 tháng 01 năm 2016 bị TAND thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xử phạt 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tiền sự: Không. Nhân thân: ngày 20/7/2005 bị Công an phường PL xử phạt hành chính 50.000^{đ} về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 04/6/2008 bị TAND tỉnh Phú Yên xử phạt 02 (Hai) năm tù về tội Cố ý gây thương tích; ngày 30/8/2016 bị TAND tỉnh Phú Yên xử phạt 06 (Sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án số 106/2016/HSST; ngày 29/3/2017 bị TAND huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt với bản án số 106 ngày 30/8/2016 của TAND tỉnh Phú Yên, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù.

Bị cáo đang chấp hành án tại trại giam XP thuộc Bộ Công an, huyện ĐX, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Đại H), sinh năm 1985 tại Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố N2, phường PL, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Văn hóa: 09/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông: Nguyễn Văn S, sinh năm 1955 và bà Lương Thị T, sinh năm 1957. Vợ: Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1989. Con: Có 01 con sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Từ năm 2004 - 2006 tham gia nghĩa vụ quân sự tại tiểu đoàn 118 Trung đoàn tên lửa 274 Sư đoàn 377 Quân chủng phòng không không quân ở Cam Ranh; ngày 02/6/2008 bị Công an phường PL xử phạt hành chính 350.000^{đ} về hành vi cố ý gây thương tích; ngày 10/01/2009 bị Công an phường PL lập hồ sơ đưa vào diện quản lý theo Nghị định 163 quản lý tại địa phương 06 (Sáu) tháng về hành vi cố ý gây thương tích; ngày 19/6/2009 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục 12 (Mười hai) tháng về hành vi cố ý gây thương tích; ngày 01/6/2011 bị TAND thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 (Chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; ngày 29/3 năm 2017 bị TAND huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 (Một) năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo đang chấp hành án tại trại giam ĐT thuộc Bộ Công an, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

4. Nguyễn Huy Th (tên gọi khác: Lý Th), sinh năm 1989 tại Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố N2, phường PL, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Văn hóa: 10/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1968 và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1966. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: ngày 31/5/2004 bị Công an phường PL xử phạt hành chính cảnh cáo về hành vi cố ý gây thương tích; ngày 19/9/2007 bị TAND thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 07 (Bảy) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; ngày 29/3 năm 2017 bị

TAND huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo đang chấp hành án tại trại giam ĐT thuộc Bộ Công an, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

* Bị hại: Anh Đinh Thành S, sinh năm 1987. Trú tại: Thôn HS, xã SH, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh D, sinh năm 1958. Trú tại: 46 Nguyễn Chí Th, phường N3, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966. Trú tại: Khu phố N2, phường PL, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bà Võ Thị L, sinh năm 1966. Trú tại: Khu phố N1, phường PL, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1989. Trú tại: khu phố N4, phường PL, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Anh Trương Thái H, sinh năm 1998. Trú tại: Khu phố N5, phường PL, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

* Người làm chứng: Anh Trần Văn T, sinh năm 1992. Trú tại: Thôn HS, xã SH, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Công an viên xã SH. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 24/8/2016, Đoàn Thanh S điện thoại gọi Nguyễn Văn H, Nguyễn Huy Th và Phạm Phú Đ đến nhà S. S rủ các đối tượng này lên các huyện miền núi để trộm cắp tài sản, H, Th, Đ đồng ý. Đ lấy một túi vật dụng như kìm cộng lực, đục, chạm, báy của thợ xây để ở nhà của S mang theo. Đ điều khiển xe mô tô của Đ chở S cùng túi đựng công cụ còn Th điều khiển xe mô tô chở H. Khoảng 03 giờ ngày 25/8/2016, sau khi thực hiện hai vụ trộm cắp tại huyện M, tỉnh Đắk Lắk, trên đường về TH, khi đi đến cửa hàng bán xăng dầu LT ở thôn HS1, xã SH, huyện SH, tỉnh Phú Yên phát hiện xe mô tô 78H7-3204 hiệu SIRIUS của anh Đinh Thành S1 là nhân viên trạm xăng, dựng bên trong khu vực cửa hàng không có người trong coi, S vào dắt xe và ngồi lên xe cho Đ đẩy đi. Th dùng búa đập vỡ ổ khóa điện, H đấu nối dây điện, S đạp nổ và điều khiển xe vừa trộm chạy về TH. Trên đường về gặp lực lượng Công an xã Sông Hinh tuần tra thì Đ, S bỏ chạy, xe của Th chở H va chạm với xe của lực lượng tuần tra nên ngã ra đường. Th bỏ trốn còn H bị Công an xã Sông Hinh bắt giữ. S đem xe trộm được cất giấu dưới gầm cầu ĐR, thành phố TH, hôm sau tới nơi thì thấy đã bị mất.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa:

Các bị cáo Đoàn Thanh S, Nguyễn Huy Th, Nguyễn Văn H, Phạm Phú Đ đều khai nhận hành vi trộm cắp xe mô tô của anh S1 như đã nêu trên. Các bị cáo thỏa thuận liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Sang 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Bị hại Đinh Thành S1 khai: Việc các bị cáo đã lén lút lấy xe của anh là vi phạm pháp luật. Chiếc xe không thu hồi được nên anh yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe là 5.000.000đ và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo vì anh cũng có sơ hở trong việc quản lý tài sản; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Huỳnh D khai chiếc xe mô tô 78H7-3204 là của ông, đã cho con rể là anh Đinh Thành S1 nên ông không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H, Võ Thị L, Nguyễn Thị Thanh Th và Trương Thái H khai: Các bị cáo Nguyễn Huy Th (con bà H), Phạm Phú Đ (con bà L), Nguyễn Văn H (chồng chị Th), Đoàn Thanh S (cậu anh H) có nhờ nộp tiền giúp các bị cáo khắc phục hậu quả và không có yêu cầu các bị cáo trả lại tiền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 52 ngày 14/9/2016 của Hội đồng định giá huyện Sông Hinh kết luận: Chiếc xe mô tô hiệu SIRIUS biển số 78H7-3204 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, các bị cáo, người bị hại không có ý kiến gì về kết luận định giá tài sản.

Vật chứng thu giữ: 01 ổ khóa xe máy; 01 ốp cao su bảo vệ ổ khóa; 01 bửng bên phải xe mô tô màu trắng bạc; 01 mặt nạ xe mô tô bằng nhựa màu đen; 01 giấy đăng ký xe mô tô 78H7-3204 mang tên Huỳnh D. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến về thủ tục, trình tự thu giữ vật chứng. Bị hại Đinh Thành S1 không yêu cầu nhận lại vì không còn giá trị sử dụng.

Bản cáo trạng số 04/VKS-HS ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh truy tố các bị cáo Phạm Phú Đ, Nguyễn Huy Th và Nguyễn Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS). Bị cáo Đoàn Thanh S bị truy tố theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 51 BLHS xử phạt Đoàn Thanh S từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt 01 (năm) 06 (Sáu) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HSST ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 27/8/2016;

* Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 51 BLHS xử phạt Nguyễn Huy Th từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt 01 (năm) 03 (Ba) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số

05/2017/HSST ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk, thời hạn tù tính từ ngày 27/8/2016;

* Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 51 BLHS xử phạt Nguyễn Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt 01 (năm) tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HSST ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk, thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2016;

* Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 51 BLHS 1999, điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 xử phạt Phạm Phú Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt 01 (năm) 09 (Chín) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HSST ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk, thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2016 ;

Về trách nhiệm dân sự đề nghị áp dụng Điều 42 BLHS, Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho anh S1 trị giá chiếc xe là 5.000.000đ, phần mỗi bị cáo là 1.250.000đ, được khấu trừ các khoản đã nộp trước, các bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường phần còn thiếu.

Về vật chứng của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 41 BLHS, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Huy Th, Nguyễn Văn H, Phạm Phú Đ, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về quyết định truy tố, quan điểm luận tội của Viện kiểm sát. Riêng bị cáo Đoàn Thanh S có ý kiến: Việc bị cáo có cùng hành vi phạm tội, cùng thời điểm phạm tội nhưng Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk truy tố và TAND huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 138 BLHS nhưng Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh lại truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Qua phần tranh luận đối đáp công khai tại phiên tòa, bị cáo S đã thừa nhận còn tiền án, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh là đúng, không oan sai.

Các bị cáo đều thấy hành vi của mình là phạm tội, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Hinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến

hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tư cách tham gia tố tụng: Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà Nguyễn Thị H, bà Võ Thị L, chị Nguyễn Thị Thanh Th, anh Trương Thái H nộp tiền khắc phục hậu quả cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử xác định bà H, bà L, chị Th, anh H tham gia tố tụng tại phiên tòa hôm nay với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về tội phạm: Vào khoảng 03 giờ 00 phút ngày 25/8/2016, sau khi trộm cắp tài sản tại huyện M, tỉnh Đắk Lắk, trên đường trở về, bị cáo Đoàn Thanh S đã có hành vi lén lút dắt chiếc xe mô tô SIRIUS biển số 78H7-3204 trị giá 2.500.000^{đ} của anh Đinh Thành S1 dựng tại cửa hàng xăng dầu nơi anh S1 làm việc, cùng với Đ đẩy ra đường, cùng với Th, H phá khóa điện, đấu nối dây điện chạy xe về TH cất giữ nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Trước khi thực hiện, các bị cáo đã có sự trao đổi thống nhất ý chí và mục đích chiếm đoạt tài sản nhưng không có sự phân công chặt chẽ,vì vậy hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Bị cáo Nguyễn Văn H chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Nguyễn Huy Th chấp hành xong hình phạt 07 (Bảy) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy vào ngày 15/12/2012. So sánh về điều kiện đương nhiên xóa án tích quy định tại điểm c khoản 2 Điều 64 BLHS 1999 (Năm năm) với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 70 BLHS 2015 (Ba năm) thì quy định tại điểm c khoản 2 Điều 70 BLHS 2015 có lợi hơn cho người bị kết án. Căn cứ quy định tại Nghị quyết 144/2016/QH13, Nghị quyết 109/2015/QH13; Khoản 3 Điều 7 BLHS 2015 để áp dụng điểm c khoản 2 Điều 70 BLHS 2015, xác định bị cáo Th đương nhiên được xóa án tích (không còn tiền án). Bị cáo Phạm Phú Đ đã có tiền án 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", là tội phạm ít nguy hiểm nay lại có hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc loại tái phạm.Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS thì *"1.Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm",* như vậy hành vi của các bị cáo Th, Đ, H đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" thuộc cấu thành tội phạm cơ bản là khoản 1 Điều 138 BLHS.

Đối với bị cáo Đoàn Thanh S, lần phạm tội bị xét xử vào ngày 01/7/2005 (bị Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 09 năm tù) về tội Cướp giật tài sản là phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, chưa được xóa án tích (do chưa bồi thường thiệt hại), lần này lại phạm tội mới do cố ý là thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại Điều 49 BLHS. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện

Sông Hinh truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo S phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các bị cáo đều có năng lực pháp luật và hành vi, nhận thức được việc xâm phạm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, đủ sức khỏe để lao động tạo nguồn thu nhập chân chính, nhưng do tham lam tư lợi, muốn hưởng thụ nên các bị cáo đã lén lút cùng nhau chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã từng bị xử lý hình sự, hành chính nhiều lần, hiện các bị cáo đang chấp hành bản án hình sự số 05/2017/HSST ngày 29/3/2017 của TAND huyện M'Đrắk tỉnh Đắk Lắk, nên phải xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo, răn đe phòng ngừa và áp dụng điều 51 BLHS để tổng hợp hình phạt chung cho các bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã nhờ người thân nộp tiền khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS khi lượng hình. Cha bị cáo Đ có thời gian phục vụ quân đội trên chiến trường K nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 khi lượng hình. Bị cáo H có thời gian phục vụ trong quân ngũ, ông ngoại bị cáo Th được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, nên H và Th còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS. Bị cáo Đ phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Xét bị cáo Đoàn Thanh S có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, giá trị tài sản chiếm đoạt chỉ trên mức khởi điểm nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 BLHS cho bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo thấy sự khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm cải tạo.

Xét tính chất mức độ phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, thấy rằng: Đối với bị cáo S là người khởi xướng, lôi kéo người khác đi trộm cắp tài sản, là người thực hành tội phạm một cách tích cực nhất trong các bị cáo, phạm tội thuộc tình tiết định khung tăng nặng hơn các bị cáo khác, mặc dù được áp dụng xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng vẫn cần xử lý bị cáo mức án cao hơn các đồng phạm khác. Đối với các bị cáo Đ, H, Th đều là những đồng phạm giúp sức tích cực ngang nhau cho S thực hành hành vi trộm cắp tài sản (Đ chuẩn bị công cụ, khi S lấy được xe thì S ngồi trên xe trộm cắp, Đ đẩy xe; Th, H đập phá ổ khóa điện của xe, đấu nối dây điện để cho S đạp nổ xe chạy), nên cũng cần phải xử lý nghiêm minh đối với các bị cáo với mức án tương đương nhau.

Về vật chứng: 01 ổ khóa xe máy; 01 ốp cao su bảo vệ ổ khóa; 01 bửng bên phải xe mô tô màu trắng bạc; 01 mặt nạ xe mô tô bằng nhựa màu đen; 01 giấy đăng ký xe mô tô 78H7-3204 mang tên Huỳnh D không còn giá trị sử dụng, anh

Đinh Thành S1 không nhận lại, nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại 41 BLHS, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đinh Thành S1 bị thiệt hại về tài sản nên anh yêu cầu các bị cáo bồi thường là có cơ sở. Tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại tự nguyện thỏa thuận: Các bị cáo liên đới bồi thường cho anh S1 5.000.000^{đ}, phần mỗi bị cáo là 1.250.000^{đ}, sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bị cáo Đ và Th đã nộp mỗi bị cáo 625.000^{đ} khắc phục hậu quả tại Biên lai thu tiền số 0000704 và 0000705 ngày 27/02/2017, bị cáo H đã nộp 1.000.000^{đ} tại Biên lai thu tiền số 0000714 ngày 05/7/2017, bị cáo S đã nộp 600.000^{đ} tại Biên lai thu tiền số 0000715 ngày 05/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh, tổng cộng 2.850.000^{đ} được khấu trừ trả cho anh S1, các bị cáo còn phải tiếp tục liên đới bồi thường 2.150.000^{đ}, phần bị cáo Đ và Th mỗi bị cáo 625.000^{đ}, bị cáo H 250.000^{đ}, bị cáo S 650.000^{đ}.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Đoàn Thanh S, Phạm Phú Đ (Cu Đ), Nguyễn Văn H (ĐH), Nguyễn Huy Th (LTh) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

*Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 51 BLHS xử phạt **Đoàn Thanh S 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù**, tổng hợp hình phạt **01 (năm) 06 (Sáu) tháng tù** tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HSST ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **03 (Ba) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 27/8/2016;

* Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 51 BLHS xử phạt **Nguyễn Văn H 06 (Sáu) tháng** tù, tổng hợp hình phạt **01 (năm)** tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HSST ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù** thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2016;

* Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 51 BLHS và điểm x khoản 1 Điều 51BLHS 2015, xử phạt **Phạm Phú Đ 06 (Sáu) tháng** tù, tổng hợp hình phạt **01 (năm) 09 (Chín) tháng** tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HSST ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù** thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2016 ;

* Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 51 BLHS xử phạt **Nguyễn Huy Th 06 (Sáu) tháng** tù, tổng hợp hình phạt **01 (năm) 03 (Ba) tháng** tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HSST ngày 29/3/2017 của

Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù** thời hạn tù tính từ ngày 27/8/2016;

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ quy định tại Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận: Các bị cáo Đoàn Thanh S, Nguyễn Văn H, Phan Phú Đ và Nguyễn Huy Th phải liên đới bồi thường cho anh Đinh Thành S1 5.000.000đ (Năm triệu đồng), phần mỗi bị cáo là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả 2.850.000đ, còn phải tiếp tục liên đới bồi thường cho anh S1 2.150.000đ (Hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng), phần bị cáo Đ và Th mỗi bị cáo 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng), bị cáo H 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng), bị cáo S 650.000đ (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Trả cho anh Đinh Thành S1 số tiền 2.850.000đ (Hai triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) do các bị cáo đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000704, 0000705 ngày 27/02/2017, số 0000714 và số 0000715 ngày 05/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

* Về vật chứng: Căn cứ quy định tại Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa xe máy; 01 ốp cao su bảo vệ ổ khóa; 01 bửng bên phải xe mô tô màu trắng bạc; 01 mặt nạ xe mô tô bằng nhựa màu đen; 01 giấy đăng ký xe mô tô 78H7-3204 mang tên Huỳnh D theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/02/2017 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Hinh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh và Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu ngày 27/9/2016.

* Về án phí: Áp dụng quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 21, 23, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Đoàn Thanh S, Phạm Phú Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Huy Th, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H.Sông Hinh(2)
- Công an H.Sông Hinh;
- Các bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Đông

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA